

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN C  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HN-ST

Ngày: 19/6/2020

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thị Thanh Trúc.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông **Phạm Thanh Thanh.**

- Ông **Nguyễn Thanh T.**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông **Lai Ngọc Trí –**

Cán bộ Tòa án nhân dân quận C.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 31/2020/QĐST-HN ngày 27 tháng 4 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST – HN ngày 29/5/2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà **Lê Thị X**, sinh năm 1981 (có mặt)

HKTT: KV Phú Quới, P. Thường Thạnh, Q. C, Tp. Cần Thơ.

***Bị đơn:*** Ông **Phạm Minh T**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

HKTT: KV Phú Quới, P. Thường Thạnh, Q. C, Tp. Cần Thơ.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Ngân hàng chính sách xã hội **quận C.** (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: 236E, đường Trần Hưng Đạo nối dài, KV Yên Trung, P. Lê Bình, Q. C, Tp. Cần Thơ.

Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Khánh V – Giám đốc

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**\* Theo đơn xin ly hôn đề ngày 20 tháng 9 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị X trình bày:** Bà và ông T cưới nhau vào năm 2004, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/11/2007 tại UBND xã P, Hện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Vợ chồng chung sống khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T không lo làm ăn, sinh tật ăn nhậu, cờ bạc.

Mặc dù bà kHên can nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi. Vợ chồng ly thân nhau 03 năm nay. Nhận thấy mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Minh H (nam), sinh 17/7/2005 và Phạm Thị Hồng N (nữ), sinh 21/10/2012. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi 02 con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng sẽ tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội quận C khoảng 30.000.000đồng. Khi ly hôn mỗi người chịu trách nhiệm trả cho ngân hàng  $\frac{1}{2}$  số nợ.

**\* Đối với bị đơn ông Phạm Minh T:** Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án có triệu tập ông T, tuy nhiên ông luôn vắng mặt. Sau khi tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông T.

**\* Tại bản tự khai ngày 27/02/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội quận C trình bày:** Ngày 23/9/2015 Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận C có duyệt cho bà Lê Thị X vay số tiền 30.000.000đồng, chương trình cho vay hộ mới thoát nghèo để bán kem theo Giấy đề nghị kiêm phương án sử dụng vốn vay do bà X ký ngày 22/9/2015. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 0,6875%/tháng, thời hạn trả cuối cùng ngày 06/9/2020. Tính đến ngày 27/02/2020 tổng số tiền tạm tính hộ bà X còn phải trả là 30.142.397 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà X và ông T phải trả tất nợ gốc và lãi phát sinh thực tế cho Ngân hàng. Đồng thời Ngân hàng có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

Tại phiên tòa, bà X giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày trên. Ông T vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà X và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên bà X có đơn khởi kiện. Xác định quan hệ pháp luật là “Xin ly hôn” được quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án triệu tập hợp lệ đối với ông T, tuy nhiên ông vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông T xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà và ông T ly thân nhau hơn 03 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có triệu tập các

bên đến hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng ông T luôn vắng mặt. Cho thấy ông không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bản thân bà X vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn. Xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện của cả 02 bên, nếu một bên không muốn tiếp tục thì dù có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc. Do vậy nên chấp nhận nguyện vọng của bà X là cho bà được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Minh H (nam), sinh 17/7/2005 và Phạm Thị Hồng N (nữ), sinh 21/10/2012. Bà X có yêu cầu nuôi cả 02 con, ông T thì vắng mặt nên cũng không thể xem xét được nguyện vọng của ông. Bản thân 02 cháu có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do vậy nghĩ nên tiếp tục giao 02 cháu cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu bà X không nuôi dưỡng tốt 02 con thì ông T có quyền khởi kiện để xin thay đổi người nuôi con. Do bà X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Đồng thời cũng dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông T theo quy định pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Do bà X không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Có nợ Ngân hàng chính sách xã hội quận Csố tiền 30.000.000đồng theo Giấy đề nghị kiêm phương án sử dụng vốn vay do bà X ký ngày 22/9/2015. Tính đến ngày 27/02/2020 tổng số tiền tạm tính hộ bà X còn phải trả là 30.142.397 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà X và ông T phải trả tất nợ gốc và lãi phát sinh thực tế cho Ngân hàng. Tuy nhiên do Ngân hàng không có đơn khởi kiện độc lập cho yêu cầu của mình nên Tòa án không xem xét giải quyết. Do vậy sẽ tách số nợ này ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Bà X phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 147, 227 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

**Tuyên án:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị X được ly hôn với ông Phạm Minh T.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Phạm Minh H (nam), sinh 17/7/2005 và

Phạm Thị Hồng N (nữ), sinh 21/10/2012 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà X không yêu cầu.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc con chung cho ông T theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tách ra nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà X phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền số 005868 ngày 10/02/2020.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa cấp trên xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP Cần Thơ “để báo cáo”.
- VKSND TPCT, Q. C “để theo dõi”.
- Các đương sự “để biết”.
- THA DS Q. C “để thi hành”.
- UBND P. Lê Bình.
- Lưu hồ sơ Dân sự.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

***Cao Thị Thanh Trúc***